

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Duy Báu	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Dinh	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Dinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

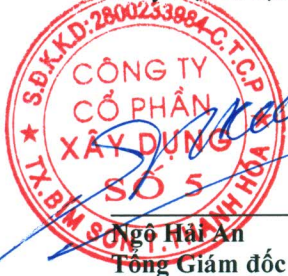
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2013

Số: 575 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay vì đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khả năng thanh toán bằng tiền cho các khoản nợ và vay ngắn hạn thấp, số dư các khoản vay của Công ty gấp 3,61 lần vốn chủ sở hữu, các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2012	Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		608.793.125.216	652.903.740.573
I. Tiền	110	6	6.855.867.630	36.570.355.005
1. Tiền	111		6.855.867.630	36.570.355.005
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		300.358.615.295	208.692.793.309
1. Phải thu khách hàng	131	7	248.351.490.570	192.227.749.983
2. Trả trước cho người bán	132	8	11.275.263.585	14.826.447.195
3. Phải thu nội bộ	133	9	15.161.062.269	-
4. Các khoản phải thu khác	135	10	37.536.340.272	12.299.431.761
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.965.541.401)	(10.660.835.630)
III. Hàng tồn kho	140	11	300.457.748.540	399.499.421.211
1. Hàng tồn kho	141		300.880.459.617	399.499.421.211
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(422.711.077)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.120.893.751	8.141.171.048
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	4.689.439.504
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.120.893.751	3.451.731.544
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		44.433.007.878	53.636.496.531
I. Tài sản cố định	220		37.214.016.992	45.590.977.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	35.980.182.091	43.532.929.414
- Nguyên giá	222		94.759.734.375	94.387.746.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.779.552.284)	(50.854.816.778)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.233.834.901	2.058.048.455
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.591.340.115	3.591.340.115
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	3.591.340.115	3.591.340.115
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.627.650.771	4.454.178.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.627.650.771	4.454.178.547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		653.226.133.094	706.540.237.104

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		557.683.636.741	611.370.269.285
I. Nợ ngắn hạn	310		547.661.384.560	592.789.398.559
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	342.363.176.627	251.838.407.266
2. Phải trả người bán	312	16	70.406.055.907	133.461.511.115
3. Người mua trả tiền trước	313	17	31.441.165.855	109.491.768.535
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	12.060.249.774	1.158.316.413
5. Phải trả người lao động	315		3.781.896.400	10.427.269.000
6. Chi phí phải trả	316	19	23.476.914.532	21.445.515.592
7. Phải trả nội bộ	317	9	8.044.797.747	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	53.512.901.724	61.445.638.620
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.574.225.994	3.520.972.018
II. Nợ dài hạn	330		10.022.252.181	18.580.870.726
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	9.113.161.272	15.681.372.700
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.990.407.117
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		909.090.909	909.090.909
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		95.542.496.353	95.169.967.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	95.542.496.353	95.169.967.819
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.397.093.115	5.397.093.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.934.233.993	16.051.931.993
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.804.781.886	2.804.781.886
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.578.387.359	11.088.160.825
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		653.226.133.094	706.540.237.104


Lê Thị Oanh
Người lập biểu


Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng


Ngô Hải An
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN

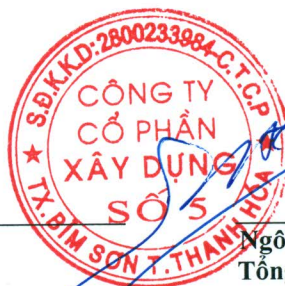
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm 2012	Năm 2011 Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	624.956.846.632	841.665.860.041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		624.956.846.632	841.665.860.041
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	566.539.046.480	768.737.934.933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.417.800.152	72.927.925.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.029.467.167	1.197.645.568
7. Chi phí tài chính	22		35.919.433.212	38.056.239.891
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.919.433.212	38.056.239.891
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.660.370.441	25.326.554.107
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		8.867.463.666	10.742.776.678
10. Thu nhập khác	31		2.045.461.332	3.959.382.663
11. Chi phí khác	32		-	83.728.906
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.045.461.332	3.875.653.757
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.912.924.998	14.618.430.435
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	2.064.766.090	3.530.269.610
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.848.158.908	11.088.160.825
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.770	2.218


Lê Thị Oanh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2013


Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng




Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	
		Năm 2012	Trình bày lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.912.924.998	14.618.430.435
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.329.735.506	7.514.457.503
Các khoản dự phòng	03	1.727.416.848	10.140.755.622
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.079.467.167)	(3.292.785.599)
Chi phí lãi vay	06	35.919.433.212	38.056.239.891
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.810.043.397	67.037.097.852
Thay đổi các khoản phải thu	09	(88.127.500.460)	(3.012.473.294)
Thay đổi hàng tồn kho	10	98.618.961.594	(79.736.853.871)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(138.847.592.699)	6.461.767.135
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.940.090.083	(994.199.021)
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.301.592.212)	(37.708.356.346)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.236.458.844)	(4.191.445.733)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.090.000.000	702.931.856
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.335.126.398)	(5.534.159.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(107.389.175.539)	(56.975.690.863)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.341.336.936)	(22.284.442.983)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	50.000.000	2.121.943.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.029.467.167	1.196.941.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(261.869.769)	(18.965.557.489)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	429.244.583.454	503.086.805.272
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(345.288.025.521)	(408.251.369.467)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(6.020.000.000)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	77.936.557.933	87.835.435.805
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(29.714.487.375)	11.894.187.453
Tiền tồn đầu năm	60	36.570.355.005	24.676.167.552
Tiền tồn cuối năm	70	6.855.867.630	36.570.355.005


Lê Thị Oanh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2013


Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng




Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 631 (31 tháng 12 năm 2011: 816).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập trên giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, mặc dù tài sản lưu động của Công ty vẫn lớn hơn công nợ ngắn hạn và Công ty vẫn đang có lãi, nhưng khả năng thanh toán bằng tiền cho các khoản nợ và vay ngắn hạn thấp và số dư các khoản vay của Công ty gấp 3,61 lần vốn chủ sở hữu, các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi thành công các khoản phải thu khách hàng và kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Ban Giám đốc Công ty cam kết Công ty đủ khả năng tạo ra đủ dòng tiền để thanh toán các khoản vay đến hạn. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại biên bản kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2011			Ghi chú
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.317.715.484)	(10.660.835.630)	(4.343.120.146)	(1)
Hàng tồn kho	399.165.003.617	399.499.421.211	334.417.594	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	(53.790.094.435)	(50.854.816.778)	2.935.277.657	(3)
Chi phí trả trước dài hạn	4.934.178.547	4.454.178.547	(480.000.000)	(4)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.546.672.637	1.158.316.413	(388.356.224)	(5)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.253.229.496	11.088.160.825	(1.165.068.671)	(6)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2011			Ghi chú
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	
Giá vốn hàng bán	772.007.630.184	768.737.934.933	(3.269.695.251)	(7)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.503.433.961	25.326.554.107	4.823.120.146	(1)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.918.625.834	3.530.269.610	(388.356.224)	(5)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.253.229.496	11.088.160.825	(1.165.068.671)	(6)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2011			Ghi chú
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch	
	VND	VND	VND	
Lợi nhuận trước thuế	16.171.855.330	14.618.430.435	(1.553.424.895)	(8)
Khấu hao tài sản cố định	10.449.735.160	7.514.457.503	(2.935.277.657)	(8)
Các khoản dự phòng	5.797.635.476	10.140.755.622	4.343.120.146	(8)
Thay đổi hàng tồn kho	(79.402.436.277)	(79.736.853.871)	(334.417.594)	(8)
Thay đổi chi phí trả trước	(1.474.199.021)	(994.199.021)	480.000.000	(8)

Chi tiết các bút toán điều chỉnh như sau:

- (1) Tăng dự phòng phải thu khó đòi và tăng chi phí quản lý doanh nghiệp do trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi của một số công trình, đồng thời giảm một số khoản đã trích lập dự phòng do chưa có biên bản đối chiếu.
- (2) Tăng hàng tồn kho (giảm giá vốn) do kết chuyển giá vốn vượt so với tỷ lệ của hợp đồng giao khoán - Công trình Trung tâm thương mại Chợ Mơ.
- (3) Giảm khấu hao tài sản cố định hữu hình (giảm giá vốn) do Công ty trích khấu hao của một số tài sản chưa đúng quy định.
- (4) Giảm chi phí trả trước dài hạn do phân bổ giá trị thương hiệu Vinaconex chưa đúng.
- (5) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán.
- (6) Giảm lợi nhuận chưa phân phối do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán.
- (7) Giảm giá vốn do bút toán điều chỉnh số (2) và (3).
- (8) Điều chỉnh báo cáo lưu chuyển tiền tệ do ảnh hưởng của các bút toán từ số (1) đến số (6).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	94.546.491	452.724.354
Tiền gửi ngân hàng	6.761.321.139	36.117.630.651
	<u>6.855.867.630</u>	<u>36.570.355.005</u>

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu các bên liên quan	150.020.707.548	146.383.947.081
Phải thu các đối tượng khác	98.330.783.022	45.843.802.902
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn</i>	<i>15.384.577.059</i>	<i>18.699.967.383</i>
<i>Nhà máy Xi măng Sông Gianh Quảng Bình</i>	<i>2.766.271.314</i>	<i>2.766.271.314</i>
<i>Công ty TNHH MTV Than Hạ Long</i>	<i>9.397.759.844</i>	<i>692.593.097</i>
<i>Nhà máy Giấy Bãi Bằng</i>	<i>4.879.955.742</i>	<i>4.879.955.742</i>
<i>Công ty Cổ phần Điện VIETRACIMEX Lào Cai</i>	<i>14.754.929.971</i>	-
<i>Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng</i>	<i>3.596.603.207</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bim Sơn</i>	<i>3.391.476.826</i>	<i>1.324.045.034</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Tây</i>	<i>8.490.200.000</i>	<i>1.170.900.000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Constrexim</i>	<i>14.798.190.017</i>	<i>1.009.793.222</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam</i>	<i>5.571.357.785</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma</i>	<i>2.899.015.357</i>	<i>1.611.195.464</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>12.400.445.900</i>	<i>13.689.081.646</i>
	<u>248.351.490.570</u>	<u>192.227.749.983</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	11.243.172.793
Trả trước cho các đối tượng khác	11.275.263.585	3.583.274.402
<i>Công ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Phú Quý</i>	<i>1.206.266.820</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long tại TP HCM</i>	<i>1.248.535.200</i>	-
<i>Công ty TNHH Sunwood Vina</i>	<i>1.591.300.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Thép Đồi</i>	<i>2.046.367.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần xây dựng NN và PTNT 1 Thanh Hóa</i>	-	<i>1.034.257.158</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>5.182.794.565</i>	<i>2.549.017.244</i>
	<u>11.275.263.585</u>	<u>14.826.447.195</u>

9. PHẢI THU, PHẢI TRẢ NỘI BỘ

Các khoản phải thu, phải trả nội bộ thể hiện các khoản công nợ nội bộ với công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam. Năm 2012, Công ty mới mở sổ theo dõi riêng các khoản công nợ với công ty con trên các tài khoản này.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ứng trước cho các đội xây dựng	32.360.744.677	11.994.026.148
Phải thu khác	5.175.595.595	305.405.613
	<u>37.536.340.272</u>	<u>12.299.431.761</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.017.537.704	4.974.611.127
Công cụ, dụng cụ	1.054.411.555	198.989.812
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	295.808.510.358	394.325.820.272
	300.880.459.617	399.499.421.211
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(422.711.077)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	300.457.748.540	399.499.421.211

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	11.426.967.553	44.581.828.796	14.275.860.230	24.103.089.613	94.387.746.192
Mua trong năm	-	667.481.819	-	109.506.364	776.988.183
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(405.000.000)	-	(405.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	11.426.967.553	45.249.310.615	13.870.860.230	24.212.595.977	94.759.734.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	4.337.153.903	26.773.274.852	10.628.224.647	9.116.163.376	50.854.816.778
Trích khấu hao trong năm	275.088.324	4.488.860.664	1.421.807.231	2.143.979.287	8.329.735.506
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(405.000.000)	-	(405.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	4.612.242.227	31.262.135.516	11.645.031.878	11.260.142.663	58.779.552.284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	6.814.725.326	13.987.175.099	2.225.828.352	12.952.453.314	35.980.182.091
Tại ngày 31/12/2011	7.089.813.650	17.808.553.944	3.647.635.583	14.986.926.237	43.532.929.414

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.420.712.194 đồng (năm 2011: 24.180.601.368 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 21, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.018.765.003 đồng (năm 2011: 33.660.093.175 đồng) để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình đầu tư giếng nước khoan xi măng Nghi Sơn	1.233.834.901	1.233.834.901
Chi đầu tư sửa chữa văn phòng	-	824.213.554
	1.233.834.901	2.058.048.455

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, có tổng vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101295134 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, số cổ phần mà Công ty nắm giữ tại công ty con này là 510.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 51%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ số vốn đã cam kết, với tổng số tiền là 3.591.340.115 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	335.854.965.199	243.951.767.266
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	6.508.211.428	7.886.640.000
	<u>342.363.176.627</u>	<u>251.838.407.266</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 12%/năm đến 17,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	207.158.173.890	152.610.776.923
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bim Sơn	103.368.075.573	75.899.506.721
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	25.328.715.736	15.441.483.622
	<u>335.854.965.199</u>	<u>243.951.767.266</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả các bên liên quan	32.601.400.006	53.318.125.564
Phải trả các đối tượng khác	37.804.655.901	80.143.385.551
<i>Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - Công ty cổ phần</i>	<i>1.154.489.000</i>	<i>1.654.489.000</i>
<i>Công ty Cổ phần ANT Toàn Cầu</i>	<i>3.915.619.775</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Tân Tiến</i>	<i>1.350.569.450</i>	<i>190.715.450</i>
<i>Công ty Cổ phần thiết bị và xây dựng 142</i>	<i>1.760.353.965</i>	<i>14.225.965</i>
<i>Công ty TNHH Hải Minh</i>	<i>1.311.423.550</i>	<i>568.213.630</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Quang I</i>	<i>5.397.536.291</i>	<i>1.324.901.259</i>
<i>Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp</i>	<i>6.001.402.900</i>	<i>26.591.860.405</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Tuấn Phong</i>	<i>1.235.940.530</i>	<i>1.130</i>
<i>Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại</i>	<i>2.845.545.099</i>	<i>15.637.047.965</i>
<i>Công ty Cổ phần kỹ thuật SanteK</i>	<i>1.249.690.285</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Cốt liệu và Bê tông</i>	<i>1.306.826.919</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH XD và DV TM Tấn Phát</i>	<i>-</i>	<i>5.002.250.895</i>
<i>Công ty Cổ phần LICOI 13</i>	<i>58.724.686</i>	<i>5.558.724.686</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>10.216.533.451</i>	<i>23.600.955.166</i>
	<u>70.406.055.907</u>	<u>133.461.511.115</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhận ứng trước từ các bên liên quan	12.073.168.654	61.803.666.942
Nhận ứng trước từ các đối tượng khác	19.367.997.201	47.688.101.593
<i>Văn phòng kết hợp Khách sạn số 47 Quán Thánh</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần ĐT và PT đô thị Thăng Long</i>	<i>3.262.443.000</i>	<i>3.262.443.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn</i>	<i>2.157.465.664</i>	<i>12.775.061.929</i>
<i>Tập đoàn Viễn thông Quân đội</i>	<i>5.740.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm và Hỗ trợ ngành ong</i>	<i>3.499.751.400</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>2.708.337.137</i>	<i>29.650.596.664</i>
	<u>31.441.165.855</u>	<u>109.491.768.535</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	9.909.833.723	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.826.819.565	998.512.319
Thuế thu nhập cá nhân	323.596.486	159.804.094
	<u>12.060.249.774</u>	<u>1.158.316.413</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trích trước cho các công trình	21.880.501.837	16.732.212.043
Chi phí lãi vay	617.841.000	649.429.970
Trích trước khác	71.200.000	60.847.080
Hàng hóa, dịch vụ mua về chưa có hóa đơn	907.371.695	4.003.026.499
	<u>23.476.914.532</u>	<u>21.445.515.592</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn, BHXH	4.618.042.626	599.540.668
Phải trả các đội xây dựng	45.525.397.607	60.661.846.952
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.369.461.491	184.251.000
	<u>53.512.901.724</u>	<u>61.445.638.620</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	14.701.732.700	21.353.732.700
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	919.640.000	2.214.280.000
	<u>15.621.372.700</u>	<u>23.568.012.700</u>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các hợp đồng vay dài hạn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cẩu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 10,5%/năm đến 19%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	6.508.211.428	7.886.640.000
Trong năm thứ hai	5.417.142.858	6.739.640.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.696.018.414	8.941.732.700
	<u>15.621.372.700</u>	<u>23.568.012.700</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	6.508.211.428	7.886.640.000
(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)		
Số phải trả sau 12 tháng	9.113.161.272	15.681.372.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong Vốn Chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	1.225.495.749	117.425	17.318.144.907	2.330.515.886	11.802.167.168	92.504.441.135
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.088.160.825	11.088.160.825
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	4.171.597.366	-	(4.171.597.366)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	586.285	-	-	-	586.285
Trích các quỹ	-	-	-	-	3.088.184.452	474.266.000	(3.562.450.452)	-
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.180.216.716)	(1.180.216.716)
Chi quỹ	-	-	-	-	(182.800.000)	-	-	(182.800.000)
Giảm khác	-	-	-	(703.710)	-	-	(59.500.000)	(60.203.710)
Số dư tại ngày 01/01/2012	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	16.051.931.993	2.804.781.886	11.088.160.825	95.169.967.819
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	8.848.158.908	8.848.158.908
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(117.698.000)	-	-	(117.698.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.298.432.374)	(1.298.432.374)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(59.500.000)	(59.500.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	15.934.233.993	2.804.781.886	11.578.387.359	95.542.496.353

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 5.000.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ tức và trích các quỹ**

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 23 tháng 3 năm 2012 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

- Chia cổ tức với số tiền là 7.000.000.000 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi số tiền 1.298.432.374 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2012		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền
		%	VND		%	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51%	25.500.000.000	2.550.000	51%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49%	24.500.000.000	2.450.000	49%	24.500.000.000
	5.000.000	100%	50.000.000.000	5.000.000	100%	50.000.000.000

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp, cung cấp hàng hóa và dịch vụ có liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp, cung cấp hàng hóa và dịch vụ có liên quan. Theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	588.723.977.686	812.440.652.491
Doanh thu khác	36.232.868.946	29.225.207.550
	624.956.846.632	841.665.860.041

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	531.751.470.362	741.246.051.325
Giá vốn khác	34.787.576.118	27.491.883.608
	566.539.046.480	768.737.934.933

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	366.467.167	699.589.858
Cổ tức, lợi nhuận được chia	663.000.000	497.352.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	703.710
	1.029.467.167	1.197.645.568

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.912.924.998	14.618.430.435
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(663.000.000)	(497.352.000)
Thu nhập chịu thuế	10.249.924.998	14.121.078.435
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.562.481.248	3.530.269.610
Điều chỉnh khác (*)	(497.715.158)	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.064.766.090	3.530.269.610

(*) Năm 2011 và năm 2012, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động xây lắp các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội do theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 của Bộ Tài chính.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.848.158.908	11.088.160.825
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.770	2.218

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.214.194.381	580.768.804.350
Chi phí nhân công	126.228.369.385	131.389.901.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.329.735.506	10.449.735.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.501.728.350	116.798.996.128
Chi phí khác bằng tiền	14.674.664.459	21.616.804.447
Các khoản dự phòng	2.477.927.721	5.797.635.476
	485.426.619.802	866.821.877.040

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 21, trừ số dư tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	351.476.337.899	267.519.779.966
Trừ: Tiền	6.855.867.630	36.570.355.005
Nợ thuần	344.620.470.269	230.949.424.961
Vốn chủ sở hữu	<u>95.542.496.353</u>	<u>95.169.967.819</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,61</u>	<u>2,43</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	6.855.867.630	36.570.355.005
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	289.083.351.710	193.866.346.114
Tài sản tài chính khác	<u>938.750.000</u>	<u>3.116.000.000</u>
Tổng cộng	<u>296.877.969.340</u>	<u>233.552.701.119</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	351.476.337.899	267.519.779.966
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	127.345.712.752	194.307.609.067
Chi phí phải trả	<u>23.476.914.532</u>	<u>21.445.515.592</u>
Tổng cộng	<u>502.298.965.183</u>	<u>483.272.904.625</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Công ty đánh giá rằng chi phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn các rủi ro tiềm ẩn do thay đổi về lãi suất và giá của các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng hoặc giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm hoặc tăng 7.029.526.758 đồng (2011: 5.350.395.599 đồng).

	2012	2011
	VND	VND
Khoản vay có lãi suất thả nổi	351.476.337.899	267.519.779.966
Số điểm cơ bản 200 điểm (2%) thay đổi	2%	2%
Lãi tương ứng (độ nhạy)	7.029.526.758	5.350.395.599

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một số khoản phải thu khó đòi của một số khách hàng với số dư là 17.065.915.000 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 11.965.541.401 đồng. Ngoài các khoản phải thu khó đòi nêu trên, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính không bao gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và không bao gồm tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền	6.855.867.630	-	6.855.867.630
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	289.083.351.710	-	289.083.351.710
Tài sản tài chính khác	938.750.000	-	938.750.000
	296.877.969.340	-	296.877.969.340
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Các khoản vay	342.363.176.627	9.113.161.272	351.476.337.899
Phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác	127.345.712.752	-	127.345.712.752
Chi phí phải trả	23.476.914.532	-	23.476.914.532
	493.185.803.911	9.113.161.272	502.298.965.183
Chênh lệch thanh khoản thuần	(196.307.834.571)	(9.113.161.272)	(205.420.995.843)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền	36.570.355.005	-	36.570.355.005
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	193.866.346.114	-	193.866.346.114
Tài sản tài chính khác	3.116.000.000	-	3.116.000.000
	233.552.701.119	-	233.552.701.119
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Các khoản vay	251.838.407.266	15.681.372.700	267.519.779.966
Phải trả người bán và phải trả khác	194.307.609.067	-	194.307.609.067
Chi phí phải trả	21.445.515.592	-	21.445.515.592
	467.591.531.925	15.681.372.700	483.272.904.625
Chênh lệch thanh khoản thuần	(234.038.830.806)	(15.681.372.700)	*(249.720.203.506)

Ban Giám đốc đánh giá có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Doanh thu bán hàng	2012 VND	2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	120.809.301.259	136.070.657.612
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	11.438.631.858	150.111.413.982
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	40.343.269.250	102.727.585.690
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	-	12.863.427.073
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	15.367.049.090	-
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	39.072.635.858	1.629.054.868
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Vinaconex 2	858.986.975	156.266.750
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	25.208.731.910	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	3.145.938.422	-
Công ty Cổ phần Vimeco	67.989.833.826	16.521.231.795
BĐH thi công Giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh	5.913.080.824	-

Mua hàng trong năm	2012 VND	2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	400.720.201	14.596.900
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	61.051.978.662	5.446.074.450
Công ty Cổ phần Đầu tư PT nhà và đô thị Vinaconex	29.869.097.528	41.833.962.043
Công ty Cổ phần phát triển Thương mại Vinaconex	9.639.969.596	27.547.837.727
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	2.431.885.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	38.531.264	3.290.189.929
Công ty Cổ phần Vimeco	61.051.978.662	42.872.575.478

Số dư với các bên liên quan:

Phải thu khách hàng	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	-	167.586.812
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	19.002.943.072	10.641.345.152
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	1.385.750.946	-
BĐH Thi công GĐ 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	400.920.188	852.849.085
Ban QLDA xây dựng hệ thống nước Sông Đà	-	690.836.857
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	1.454.466.478	1.489.466.478
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	857.974.828	857.974.828
Công ty Cổ phần ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	1.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTXD và KT Vinaconex E&C	-	1.297.316.851
Công ty Cổ phần Vimeco	23.345.020.919	1.850.731.631
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.436.948.354	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	18.024.875.381	24.915.092.420
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	23.571.125.084	59.918.766.632
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	47.613.337.811	37.701.980.335
Công ty Cổ phần Phát triển Thương Mại Vinaconex	10.875.920.487	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	51.424.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Phải thu nội bộ	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	15.161.062.269	-
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	-	10.894.365.008
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	109.409.169
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	-	227.663.617
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	11.734.999
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	-	16.558.758.436
Công ty Cổ phần ĐTXD&PT Hạ tầng Vinaconex 34	-	162.044.497
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	57.292.000	53.200.000
Công ty Cổ phần ĐTXD&KT Vinaconex	-	1.353.474.270
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	9.631.583.596	-
Công ty Cổ phần Vimeco	20.872.580.459	31.901.162.112
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	301.765.644	266.805.644
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	607.687.876	577.833.205
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	187.915.800	510.453.400
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	1.286.829.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 25	929.450.000	647.565.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	13.124.631	-
Phải trả nội bộ		
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	8.044.797.747	-
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Người mua trả trước		
BĐH Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	1.817.607.261	19.774.886.766
Ban Đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng Hòa Lạc	1.000.000.000	-
BĐH Thi công GĐ 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	-	4.747.523.700
Công ty Cổ phần Phát triển Thương Mại Vinaconex	-	7.027.222.435
Công ty Cổ phần Vimeco	2.113.089.380	3.590.466.036
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.789.195.574	7.354.516.247
Tổng Công ty Cổ phần XNK&XD Việt Nam	353.276.439	15.184.751.160
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	861.857.598
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam	-	3.262.443.000

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập Ban Giám đốc	1.219.315.900	1.240.562.000

90 - C.1
 TY
 HỮU HẠN
 TE
 AM
 P. HÀ N

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Lê Thị Oanh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 3 năm 2013



Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng





Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

